## THÔNG TIN CHUNG

**I Tên trường (cơ sở đào tạo NLYT): Trường Đại học VinUni**

- Địa chỉ: Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại: +84-978 549 846
- Website: https://vinuni.edu.vn/
- Fax:
- Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

**II Hiệu trưởng: GS. BS. David Bangsberg**

- Điện thoại bàn: +84 – 2471 089 779
- Điện thoại di động:
- Email: info@vinuni.edu.vn

**III Lãnh đạo trường phụ trách công tác tuyển sinh: Nguyễn Hồng Hà**

- Điện thoại bàn: +84 – 2471 089 779
- Điện thoại di động: +84 – 913020301
- Email: v.vp.aa@vinuni.edu.vn

**IV Trưởng phòng đào tạo đại học: Trần Thu Hằng**

- Điện thoại bàn: +84 – 2471 089 779
- Điện thoại di động: +84 – 865569487
- Email: hang.tt@vinuni.edu.vn

**V Trưởng phòng đào tạo sau đại học: Trần Thu Hằng**

- Điện thoại bàn: +84 – 2471 089 779
- Điện thoại di động: +84 – 865569487
- Email: hang.tt@vinuni.edu.vn

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

| Người lập biểu | **Hiệu trưởng**<br>(ký tên, đóng dấu) |
|---|---|
| Tô Thị Hương Giang | David Bangsberg |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

Mẫu 01: BCTS-ĐH

# BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024
**(Ngày 31/12/hằng năm)**

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Ngành | Số tốt nghiệp | | | Số trúng tuyển | Số nhập học | Số chỉ tiêu[1] | Hình thức tuyển sinh[2] | Đào tạo đặt hàng/theo địa chỉ sử dụng[3] | Liên kết đào tạo[4] | Địa điểm đào tạo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Số nữ giới | Số Dân tộc thiểu số | | | | | | | |
| ***I. Đào tạo chính qui*** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | 0 | 0 | 0 | 205 | 87 | 75 | Xét tuyển theo hình thức riêng của Nhà trường | VinUni Hà Nội | | Trường Đại học VinUni Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | 8 | 6 | 0 | 14 | 12 | 15 | Xét tuyển theo hình thức riêng của Nhà trường | VinUni Hà Nội | | Trường Đại học VinUni Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội |
| | Tổng | 8 | 6 | 0 | 219 | 99 | 90 | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

***Ghi chú :***

*(1) Số chỉ tiêu: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng ngành của từng hình thức đào tạo.*

*(2) Hình thức tuyển sinh: Ghi rõ thi tuyển hoặc xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi quốc gia hoặc xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT,.....*

*(3) Địa chỉ sử dụng: Ghi rõ tên từng tỉnh/thành phố, ngành, ... và số chỉ tiêu tương ứng*

*(4) Liên kết đào tạo : Ghi rõ nơi liên kết đào tạo, địa chỉ đào tạo, chỉ tiêu đào tạo.*

Mẫu 02: BCTS-SĐH

**BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024**
**(Ngày 31/12/hằng năm)**

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo | Số tốt nghiệp | | | Số chỉ tiêu | Số nhập học | Số trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Số nữ giới | Số Dân tộc thiểu số | | | |
| **V** | ***Bác sỹ Nội trú*** | | | | | | |
| 1 | Nội khoa | 10 | 6 | 0 | 10 | 10 | 10 |
| 2 | Ngoại khoa | 4 | 1 | 0 | 4 | 4 | 4 |
| 3 | Nhi khoa | 5 | 4 | 0 | 8 | 8 | 8 |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | 0 | 0 | 0 | 8 | 8 | 8 |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | 0 | 0 | 0 | 6 | 7 | 7 |
| | Tổng | 15 | 11 | | 36 | 37 | 37 |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*
**Hiệu trưởng**
Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

*Ghi chú : Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành của từng hình thức đào tạo.*

Mẫu 03: BCTS-SV

# BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN ĐANG HỌC NĂM 2024
## (Ngày 31/12/hằng năm)

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo | Số sinh viên đang học | | | | | | Tổng số | Trong đó: | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 | Năm 5 | Năm 6 | | Số nữ giới | Số Dân tộc thiểu số |
| **I** | **Đại học** | | | | | | | | | |
| ***1.1.*** | ***Chính quy*** | | | | | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | 79 | 52 | 44 | 45 | 47 | | 267 | 132 | 0 |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | 12 | 7 | 8 | 13 | | | 40 | 30 | 0 |
| | Tổng | 91 | 59 | 52 | 58 | 47 | | 307 | | |
| | | | | | | | | | | |
| **II** | **Sau đại học** | | | | | | | | | |
| ***2.5.*** | ***Bác sỹ Nội trú*** | | | | | | | | | |
| 1 | Nội khoa | 10 | 10 | 10 | 10 | | | 40 | 23 | 0 |
| 2 | Ngoại khoa | 4 | 4 | 4 | 3 | 4 | | 19 | 7 | 0 |
| 3 | Nhi khoa | 8 | 8 | 8 | 6 | | | 30 | 22 | 0 |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | 8 | | | | | | 8 | 2 | |
| | Tổng | 30 | 22 | 21 | 19 | 98 | | 711 | 216 | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

Mẫu 04: KHTS-ĐH

# KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025
## (Ngày 31/03/năm tuyển sinh)

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Ngành | Tổng quy mô 31/12/2024 | Dự kiến số tốt nghiệp | Số chỉ tiêu(1) | Hình thức tuyển sinh(2) | Đào tạo đặt hàng/theo địa chỉ sử dụng(3) | Địa điểm đào tạo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I. Đào tạo chính qui*** | | | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | 382 | 47 | 115 | Xét tuyển theo hình thức riêng của Nhà trường | VinUni Hà Nội | Trường Đại học VinUni Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | 40 | 13 | 25 | Xét tuyển theo hình thức riêng của Nhà trường | VinUni Hà Nội | Trường Đại học VinUni Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội |
| | Tổng | 422 | 60 | 140 | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

***Ghi chú:***

*(1) Số chỉ tiêu: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng ngành của từng hình thức đào tạo.*

*(2) Hình thức tuyển sinh: Ghi rõ thi tuyển hay xét tuyển dựa trên điểm thi đại học, ...*

*(3) Địa chỉ sử dụng: Ghi rõ tên từng tỉnh / thành phố, ngành, ... và số chỉ tiêu tương ứng*

*(4) Liên kết đào tạo : Ghi rõ nơi liên kết đào tạo, địa chỉ đào tạo, chỉ tiêu đào tạo.*

Mẫu 05: KHTS-SĐH

# KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
**(Ngày 31/03/năm tuyển sinh)**

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo | Tổng quy mô 31/12/2024 | Dự kiến số tốt nghiệp | Chỉ tiêu | Ngày thi/ xét tuyển | Địa điểm đào tạo |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **V** | ***Bác sỹ Nội trú*** | | | | | |
| 1 | Nội khoa | 40 | 10 | 10 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City<br>Bệnh viện TWQĐ 108 |
| 2 | Ngoại khoa | 19 | 4 | 6 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City<br>Bệnh viện TWQĐ 108<br>Bệnh viện Nhi TW<br>Bệnh viện Bạch Mai |
| 3 | Nhi khoa | 31 | 6 | 8 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City<br>Bệnh viện Nhi TW |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | 16 | | 8 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City<br>Bệnh viện TWQĐ 108 |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | 7 | | 8 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City |
| 6 | Gây mê hồi sức | | | 8 | 12/07/2025 | Bệnh viện Vinmec Times City<br>Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | Tổng | 113 | 20 | 48 | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

Mẫu 06: BCTS-GV

# BÁO CÁO SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN
## (Ngày 31/03/năm tuyển sinh)

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo | Giảng viên cơ hữu | | | | | | | Tổng cơ hữu | Giảng viên thỉnh giảng | | | | | | | Tổng thỉnh giảng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | GS | PGS | Tiến sỹ | Thạc sỹ | CK2 | CK1 | Đại học | | GS | PGS | Tiến sỹ | Thạc sỹ | CK2 | CK1 | Đại học | |
| **V** | ***Bác sỹ Nội trú*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nội khoa | 1 | | 5 | | | | | 6 | | 6 | 17 | 29 | 7 | 8 | | 67 |
| 2 | Ngoại khoa | 1 | 1 | 2 | | 1 | | | 5 | 1 | 4 | 20 | 16 | 4 | 2 | | 47 |
| 3 | Nhi khoa | | 3 | 1 | | 1 | | | 5 | | 1 | 22 | 32 | 8 | 1 | | 64 |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | 1 | 1 | 2 | | 2 | | | 6 | 1 | 1 | 4 | 13 | 3 | 1 | | 23 |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | | 1 | 2 | | 4 | | | 7 | | | 2 | 25 | | 1 | | 28 |
| 6 | Gây mê hồi sức | **1** | | **3** | | 7 | | | 11 | | | | 13 | | | | 15 |
| | **Tổng** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **VI** | ***Đại học*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | 2 | 2 | 3 | 3 | 1 | | | 11 | 4 | 7 | 63 | 125 | 13 | 22 | 1 | 235 |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | | 1 | 3 | 1 | | | | 5 | | 1 | 27 | 53 | 2 | | | 83 |
| | Tổng | 2 | 3 | 6 | 4 | 1 | | | 16 | 4 | 8 | 90 | 178 | 15 | 22 | 1 | 318 |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

Mẫu 07: BCDS-DSGVCH

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU**
**THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**
**(Ngày 31/03/năm tuyển sinh)**

*Đơn vị báo cáo: Trường Đại học VinUni*

| TT | Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo | Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1) | Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành | Danh sách giảng viên cơ hữu xác định theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP | Học hàm/học vị cao nhất | Chuyên ngành được đào tạo |
|---|---|---|---|---|---|---|
| V | *Bác sỹ Nội trú* | | | | | |
| 1 | Nội khoa | Huỳnh Đình Chiến | x | x | GS.TS | Nội khoa |
| | | Phùng Nam Lâm | x | x | TS | Nội khoa, Hồi sức cấp cứu |
| | | Nguyễn Đăng Tuấn | x | x | TS | Nội khoa, Hồi sức cấp cứu |
| | | Trần Thị Phương Thuỷ | x | x | TS | Nội khoa, Truyền nhiễm |
| | | Nguyễn Văn Đĩnh | x | x | TS | Nội khoa, Miễn dịch dị ứng lâm sàng |
| | | Nguyễn Thị Tuyết | x | x | TS | Nội khoa |
| | | Objoon Trachoo | x | x | PGS.TS | Nội khoa |
| 2 | Ngoại khoa | Đoàn Quốc Hưng | x | x | GS.TS | Ngoại tổng quát, tim mạch |
| | | Phạm Đức Huấn | x | x | PGS.TS | Ngoại tổng quát, tiêu hóa |
| | | Đặng Quang Huy | x | x | TS | Ngoại tổng quát, tim mạch |
| | | Nguyễn Đắc Nghĩa | x | x | TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Nguyễn Thái Bình | x | x | CKII. | Ngoại tổng quát, tiêu hóa |
| 3 | Nhi khoa | Phạm Nhật An | x | | GS. TS | Nhi khoa |
| | | Lê Thị Minh Hương | x | | PGS. TS | Nhi khoa |
| | | Phùng Tuyết Lan | x | | TS | Nhi khoa |
| | | Nguyễn Thị Hoàn | x | | PGS. TS | Nhi khoa |
| | | Trần Liên Anh | x | | CKII. | Nhi khoa |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | Trần Trung Dũng | x | | GS.TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Lưu Hồng Hải | x | | TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Lê Hồng Hải | x | | PGS.TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Nguyễn Hữu Mạnh | x | | TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Vũ Tú Nam | x | | CKII. | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| | | Phạm Trung Hiếu | x | | CKII. | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | Bùi Văn Giang | x | | PGS. TS | |
| | | Trần Như Tú | x | | TS | |
| | | Nguyễn Thu Hương | x | | TS | |
| | | Lê Thị My | x | | CKII. | |
| | | Khổng Tiến Đạt | x | | CKII. | |
| | | Nguyễn Thị Thu Trang | x | | CKII. | |
| | | Nguyễn Tiến Long | x | | CKII. | |
| 6 | Gây mê hồi sức | Philippe Macaire | x | | GS | Gây mê Hồi sức |
| | | Cao Thị Anh Đào | x | | TS | Gây mê Hồi sức |
| | | Vũ Thành Lâm | x | | TS | Gây mê Hồi sức |
| | | Dương Thị Hoan | x | | TS | Gây mê Hồi sức |
| | | Đinh Văn Lộc | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Nguyễn Bình | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Nguyễn Tất Bình | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Nguyễn Thị Hoài Nam | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Bùi Thị Uyên Chi | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Nguyễn Trung Thành | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |
| | | Tôn Thất Quang | x | | CKII. | Gây mê Hồi sức |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| VI | *Đại học* | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | Đoàn Mai Phương | x | | PGS. TS | Y học (Vi sinh) |
| | | Lê Cự Linh | x | | PGS. TS | Y học (Y tế công cộng), Tin học |
| | | Lê Thị Hường | x | | TS | Khoa học Y học |
| | | Maurizio Trevisan | x | | GS. TS | Y tế công cộng |
| | | Nguyễn Văn Đĩnh | x | | TS | Y học (Nội khoa) chuyên ngành miễn dịch |
| | | Trần Thị Dụ Chi | x | | TS | Sinh lý học và Sinh học cơ thể - Quần thể - Tương tác |
| | | Trương Công Duẩn | x | | TS | Y học (Huyết học) |
| | | Zarrin Seema Siddiqui | x | | PGS. TS | Giáo dục Y khoa |
| | | Stephen Schiffer (GV chung với BN) | x | | GS | Y học (Giải phẫu) |
| | | Dương Thị Bích Thuận (GV chung với BN) | x | | TS | Y học (Hóa sinh) |
| | | Nguyễn Thị Nhung (GV chung với BN) | x | | TS | Y học (Sinh lý) |
| | | Laura Vanderbloemen | x | | TS | Y tế công cộng |
| | | Andrew W. Taylor-Robinson | x | | GS | Y học (Miễn dịch, Vi sinh) |
| | | Pranee Liamputtong | x | | GS | Y tế công cộng |
| | | | | | | |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | Nguyễn Hoàng Long | x | | TS | Điều dưỡng |
| | | Nguyễn Thị Hoa Huyền | x | | TS | Điều dưỡng |
| | | Nguyễn Thị Thanh Hương | x | | TS | Điều dưỡng |
| | | Phạm Văn Trường | x | | TS | Điều dưỡng |
| | | Hoàng Lan Vân | x | | TS | Điều dưỡng |
| | | Hoàng Thị Thu Hương | x | | Th.S | Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện |
| | | Lê Quang Hưởng | x | | Th.S | Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện |
| | | Lê Xuân Đại | x | | Th.S | Điều dưỡng |
| | | Ngô Đức Thọ | x | | Th.S | Điều dưỡng |
| | | Đặng Thị Thanh Tùng | x | | Th.S | Tâm lý |
| | | Nguyễn Ngọc Sao | x | | Th.S | Quản lý bệnh viện |
| | | Nguyễn Thị Bình | x | | Th.S | Điều dưỡng |
| | | Nguyễn Thu Hoài | x | | Th.S | Y khoa |
| | | Trần Anh Cường | x | | Th.S | Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện |
| | | Trần Thùy Dương | x | | Th.S | Điều dưỡng |
| | | Vũ Văn Minh | x | | Th.S | Kỹ thuật viên phục hồi chức năng/ Quản lý bệnh viện |
| | | Bùi Văn Thăng | x | | Th.S | Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện |
| | Tổng | 72 | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

**Ghi chú:**

- ***(1) Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu*** *theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"*

Mẫu 08: BCDS-GVTG

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG**
**THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**
**(Ngày 31/03/năm tuyển sinh)**

| TT | Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo | Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1) | Danh sách giảng viên thỉnh giảng chuyên ngành để xác định chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII, BSNT (2) | Học hàm/học vị cao nhất | Chuyên ngành được đào tạo | Cơ quan đang công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| V | *Bác sỹ Nội trú* | | | | | |
| 1 | Nội khoa | Lê Văn Trường | | PGS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Ngọc Châu | | PGS | Nội khoa, Nội Xương Khớp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Trường Sơn | | PGS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Đặng Việt Đức | | TS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Đỗ Văn Chiến | | TS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Thái Doãn Kỳ | | TS | Nội khoa, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Lâm Tùng | | TS | Nội khoa, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Đạo Tiến | | TS | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Đình Tiến | | PGS | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Minh Hải | | TS | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Đăng Hải | | TS | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Xuân Dương | | TS | Nội khoa, Cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Vũ Thị Lệ | | CKII. | Nội khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Văn Phương | | TS | Nội khoa, Cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Lan Phương | | TS | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Việt Khoa | | CKII. | Nội khoa, Cơ Xương Khớp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Văn Học | | CKII. | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thị Kiều Ly | | CKI. | Nội khoa, Cơ Xương Khớp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thị Huyền Trang | | CKI. | Nội khoa, Hồi sức cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thị Thu | | CKI. | Nội khoa, Hồi sức cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Hồng Tốt | | CKI. | Nội khoa, Hồi sức cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Quang Trình | | CKI. | Ngoại khoa, Cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Hải Ghi | | Th.S | Nội khoa, Cấp cứu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Đức Ninh | | CKII. | Nội khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Đức Duần | | CKI. | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Ngọc Uyển | | Th.S | Nội khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Thi Thị Duyên | | Th.S | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Văn Luận | | Th.S | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Văn Chính | | Th.S | Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Hồng Quân | | TS | Nội khoa, Thần kinh | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Minh Đức | | TS | Nội khoa, Thần kinh | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trần Thị Thúy Hằng | | Th.S | Nội khoa, Thần kinh | Bệnh viện TWQĐ 108 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyễn Trọng Thế | | TS | Nội khoa, Truyền nhiễm | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trịnh Văn Sơn | | TS | Nội khoa, Truyền nhiễm | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nghiêm Xuân Hoàn | | TS | Nội khoa, Truyền nhiễm | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trần Hồng Xinh | | CKI. | Nội khoa, Thận lọc máu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thị Nga | | Th.S | Nội khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Thế Thọ | | Th.S | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Yi, Hyeon Gyu | x | PGS.TS | Nội khoa, Ung Thư - Huyết học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Paul, Mitchell | x | PGS.TS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Chí Nam | x | TS | Nội khoa, Tiêu hoá | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đoàn Đức Dũng | x | TS | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Hà Quốc Hùng | x | CKII. | Nội khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Ngọc Duy | x | CKII. | Nội khoa, Cấp cứu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Tuyết Trinh | x | CKII. | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Mạnh Tường | x | CKII. | Nội khoa, Hô hấp | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Quách Thanh Dung | | Th.S | Nội khoa, Ung thư - Huyết học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Ngọc Quang | | Th.S | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Ngọc Anh | | Th.S | Nội khoa, Nội tiết chuyển hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Minh Đức | | Th.S | Nội khoa, Nội tiết chuyển hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Minh Phương | | Th.S | Nội khoa, Thần kinh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Thị Thu Hương | | Th.S | Nội khoa, Tiêu hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Đức Lượng | | Th.S | Nội khoa, Cấp cứu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Văn Bình | | Th.S | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Dương Thu Anh | | Th.S | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Đức Mạnh | | Th.S | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Quốc Oai | | Th.S | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Nét | | Th.S | Nội khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Hường | | Th.S | Nội khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Ngà | | Th.S | Nội khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Ngọc Phát | | Th.S | Nội khoa, Da liễu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Phi Yến | | Th.S | Nội khoa, Ung thư - Huyết học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Reinel Martin Alvarez Plasencia | | Th.S | Nội khoa, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Ngọc Mây | | Th.S | Nội khoa, Ung thư - Huyết học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Thanh Huyền | | Th.S | Nội khoa, Ung thư - Huyết học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Thu Hà | | Th.S | Nội khoa, Nội tiết chuyển hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Thị Mai | | Th.S | Nội khoa, Miễn dịch Dị ứng | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |
| 2 | Ngoại khoa | Nguyễn Anh Tuấn | | PGS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trần Đức | | PGS | Ngoại tổng quát, Tiết niệu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Ngô Đình Trung | | TS | Nội khoa, Hồi sức tích cực | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Văn Thành | | PGS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa, Gan mật tụy | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thanh Tâm | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Vũ Văn Quang | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa, Gan mật tụy, Ghép tạng | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Hồ Văn Linh | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa, Gan mật tụy | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Hồ Hữu An | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Đỗ Ngọc Thế | | TS | Ngoại tổng quát, Tiết niệu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Việt Hải | | TS | Ngoại tổng quát, Tiết niệu | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Trọng Yên | | TS | Ngoại tổng quát, Thần kinh | Bệnh viện TWQĐ 108 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đỗ Khắc Hậu | | TS | Ngoại tổng quát, Thần kinh | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thái Cường | | CKII. | Hồi sức tích cực | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Ngô Tuấn Anh | | TS | Ngoại tổng quát, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Đào Huy Hiếu | | CKII. | Ngoại tổng quát, Tim mạch | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Thanh Hà | | CKII. | Ngoại tổng quát, Sản phụ khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trần Thanh Hương | | CKII. | Ngoại tổng quát, Sản phụ khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Trần Thị Minh Trang | | CKI. | Ngoại tổng quát, Sản phụ khoa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Phạm Ngọc Minh | | TS | Phẫu thuật tạo hình | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Diệp Linh | | TS | Phẫu thuật tạo hình, Vi phẫu, Sọ mặt | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Vũ Ngọc Lâm | | TS | Phẫu thuật tạo hình, Sọ mặt | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Lê Văn Lợi | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | |
| | | Lê Trung Hiếu | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa, Gan mật tụy, Ghép tạng | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Nguyễn Tô Hoài | | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện TWQĐ 108 |
| | | Philippe Rene Bertrand Macaire | | TS | Ngoại tổng quát, Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thanh Liêm | x | GS | Ngoại tổng quát, Ngoại Nhi | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Đức Phú | x | PGS | Ngoại tổng quát, Tim mạch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thu Hương | | TS | Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh lý Vú | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Ngọc Khánh | | Th.S | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Hùng Cường | | Th.S | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Đức Hậu | x | PGS.TS | Ngoại Nhi | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Đăng Tuân | | TS | Hồi sức tích cực | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Đăng Đại | | Th.S | Ngoại tổng quát, Phẫu thuật tạo hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đào Đức Dũng | x | TS | Ngoại tổng quát, Tiêu hóa, Gan mật tụy | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Tuấn Việt | | Th.S | Ngoại tổng quát, Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Quách Minh Chính | | Th.S | Ngoại tổng quát, Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Văn Đoan | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Hồng Chiến | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thanh Hải | | CKI. | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Thị Hậu | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Văn Phấn | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Viết Thụ | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đinh Văn Thuyết | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Anh Việt | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Hồ Ngọc Minh | | Th.S | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Đức Thanh | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Võ Sỹ Quyền Năng | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |
| 3 | Nhi khoa | Nguyễn Thị Tâm | | CKII. | Nhi tổng quát, Nội tiết | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phan Thị Hiền | | TS | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thanh Hà | | CKII. | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Đỗ Ngọc Diệp | | CKII. | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Văn Sơn | | CKII. | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Mai Kiều Anh | | Th.S | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Triệu Thị Hồng Thái | | Th.S | Nhi Tổng quát - Sơ sinh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Hải Hà | | Th.S | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Duy Bộ | | Th.S | Nhi Tổng quát - Hô hấp | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Văn Dần | | Th.S | Nhi Tổng quát - Sơ sinh | Bệnh viện Vinmec Times City |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Phạm Lan Hương | | Th.S | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Khắc Tiệp | | Th.S | Nhi Tổng quát - Hô hấp | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đàm Thị Quỳnh | | Th.S | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đỗ Thị Thảo | | CKI. | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Thị Kim Oanh | | Th.S | Nhi Tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Thu Nga | | Th.S | Hô Hấp | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Lê | | Th.S | Hô hấp | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Hoài Anh | | Th.S | Ung bướu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lưu Thị Nhàn | | Th.S | Huyết học | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Hoàng Nam | | TS | Huyết học | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Bích Vân | | Th.S | Thần Kinh | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Vân | | Th.S | Thần Kinh | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Trần Thị Thu Hương | | TS | Truyền nhiễm | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đỗ Thúy Nga | | Th.S | Truyền Nhiễm | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phạm Thị Quế | | Th.S | Truyền nhiễm | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Ngọc | | TS | Thận - Tiết niệu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Thùy Liên | | Th.S | Thận - Tiết niệu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Vũ Chí Dũng | | PGS | Nội tiết | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Ngọc Khánh | | TS | Nội tiết | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thu Hà | | Th.S | Nội tiết | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Vân Anh | | TS | MDDU | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Chu Hồng Hạnh | | TS | MDDU | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Ngọc Quỳnh Lê | | Th.S | MDDU | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đỗ Minh Loan | | TS | Vị Thành niên | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Bích Hạnh | | TS | Nhi chung | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Hoàng Thị Thanh Mai | | CKII. | Nhi chung | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phạm Thị Thanh Tâm | | CKII. | Nhi chung | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đinh Thị Hồng | | Th.S | Nhi chung | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đặng Thúy Hà | | CKII. | Tiêu hóa - Gan mật | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Vũ Hải Yến | | Th.S | Tiêu hóa | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Bạch Ly Na | | Th.S | Tiêu hóa - Gan mật | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Trần Thị Lý | | Th.S | Sơ sinh | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thị Hoa | | Th.S | Sơ sinh | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Thúy Hằng | | Th.S | Sơ sinh | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phan Hữu Phúc | | TS | Điều trị tích cực | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lê Nhật Cường | | Th.S | Điều trị tích cực | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đậu Việt Hùng | | TS | Điều trị tích cực | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Ngô Tiến Đông | | TS | Điều trị tích cực | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phí Quỳnh Anh | | TS | TMH | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đỗ Hồng Điệp | | Th.S | TMH | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Minh Vương | | Th.S | Tim mạch | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Dương Khánh Toàn | | Th.S | Tim mạch | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lương Minh Cảnh | | TS | Tim mạch | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đặng Thị Hải Vân | | TS | Tim mạch | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Trần Phan Ninh | | TS | CĐHA | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lê Thị Kim Ngọc | | Th.S | CĐHA | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Đỗ Văn Cẩn | | CKII. | RHM | Bệnh viện Nhi Trung ương |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyễn Ngọc Chung | | TS | Mắt | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phạm Thị Mai Hương | | TS | Da Liễu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Mai Hương | | TS | Tâm thần | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lê Ngọc Duy | | TS | Cấp cứu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Nguyễn Trọng Dũng | | Th.S | Cấp cứu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Phạm Ngọc Toàn | | TS | Cấp cứu | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Lưu Thị Mỹ Thục | | TS | Dinh dưỡng | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | | | | | |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | Nguyễn Trần Quang Sáng | | CKII. | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Đắc Nghĩa | | TS | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Văn Công | | TS | Ung bướu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Văn Giang | | PGS | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Ngọc Duy | | CKII. | Cấp cứu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Văn Vĩ | | CKII. | Phục Hồi Chức Năng | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Ngọc Thắng | | TS | Ngoại | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Philippe Rene Bertrandl Macaire | | GS | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Ngọc Khánh | | Th.S | Ngoại | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đào Đức Dũng | | Th.S | Ngoại | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Văn Đoan | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Đăng Tuân | | TS | Hồi sức tích cực | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Văn Bình | | Th.S | Hồi sức tích cực | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Đức Lượng | | Th.S | Cấp cứu | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Tuấn Việt | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Quách Minh Chính | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Quyết | | Th.S | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Hồ Ngọc Minh | | Th.S | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Đức Thanh | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Võ Sỹ Quyền Năng | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đặng Minh Quang | | CKI. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Đức Việt | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phan Bá Quỳnh | | Th.S. BSNT | Ngoại, Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | Đinh Văn Thuyết | | Th.S | | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Văn Đoan | | TS | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Văn Phần | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Hồng Chiến | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Viết Thụ | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Vân Anh | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Mai Anh | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Quang Đức | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Thị Hậu | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Trường Đức | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Anh Việt | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lưu Thị Bích Ngọc | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Hồng Hải | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Huy Hoàng | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Nhân | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ngô Thị Thanh Tú | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Trường Giang | | TS | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Thị Thu Hiền | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Thị Hồng Nhung | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Hoàng Văn Làn Đức | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Hoàng Thị Kim Khuyên | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đặng Quang Hưng | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Quỳnh Giang | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vương Kim Ngân | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thanh Hải | | CKI. | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trịnh Phương Nga | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Thiều Thị Trà My | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Vũ Hiệp | | Th.S | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |
| 6 | Gây mê hồi sức | An Thành Công | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Vũ Tuấn Việt | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Quách Minh Chính | | BSNT | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Trần Thị Thu Hiền | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phan Thùy Chi | | BSNT | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đặng Vũ Anh | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Dương Phương Chinh | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Ngô Lương Nghĩa | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Thu Huyền | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Đức Anh | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Phạm Văn Đức | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Anh Tuấn | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Tạ Quang Hùng | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Khương Hải Yến | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Tuấn Linh | | Th.S | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| VI | *Đại học chính quy* | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | Nguyễn Thanh Liêm | | GS | Ngoại tổng quát, Nhi khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Đỗ Tất Cường | | GS | Ngoại tổng quát | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Xuân Hưng (GV chung với BN) | | TS | Nội khoa, Miễn dịch | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thị Hằng | | Th.S | Giải phẫu bệnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Viết Nhân (GV chung với BN) | | PGS | Di truyền học | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Bùi Văn Giang | | PGS | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thanh Quang | | Th.S | Ngoại tổng quát, Nhi khoa | Bệnh viện Nhi Trung ương |
| | | Từ Bình Minh | | PGS | Hóa học | học Quốc gia Hà Nội |
| | | Nguyễn Thanh Tuấn | | TS | Y tế công cộng | Quốc tế FHI 360 |
| | | Trần Anh Tú | | Th.S | Y tế công cộng | ương |
| | | Tô Thanh Thúy | | TS | Khoa học (Sinh lý) | học Quốc gia Hà Nội |
| | | Mai Hồng Hạnh | | PGS | Vật lý | học Quốc gia Hà Nội |
| | | Nguyễn Thanh Hương | | PGS | Y tế công cộng | Đại học Y tế công cộng |
| | | Nguyễn Huy Quang | | TS | Ngôn ngữ Anh | Đại học Y tế công cộng |
| | | Nguyễn Lê Trang | | Th.S | Dược lý | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Dương Thanh Hải | | Th.S | Dược lý | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Nguyễn Thái Hà Dương | | Th.S | Giải phẫu | Đại học Y Hà Nội |
| | | Ngô Xuân Khoa | | PGS. TS. BS | Y học (Giải phẫu) | Đại học Y Hà Nội |
| | | Trần Hữu Tuấn | | Th.S | Tai mũi họng | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Lê Thị Phương Thảo | | CKI. | Mắt | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Giang Thanh Long | | PGS. TS | Chính sách công | Đại học Kinh tế quốc dân |
| | | Trần Xuân Bách | | PGS. TS | Y tế công cộng | Đại học Y Hà Nội |
| | | Phùng Quang Thủy | | BSNT | Sản phụ khoa | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | | | | | |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | Phan Thị Thu Hiền | | Th.S | Điều dưỡng | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Chu Thi Loan | | BSNT | Vi sinh | Đại học Y Hà Nội |
| | | Phan Đức Bình | | Th.S | Dược lâm sàng | Đại học Dược Hà Nội |
| | | Nguyễn Quang Dũng | | PGS. TS | Dinh dưỡng lâm sàng | Đại học Y Hà Nội |
| | | Nguyễn Văn Tình | | TS | Sinh học di truyền | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | | Alyssa Ann Grissom | | Th.S | Chăm sóc giảm nhẹ | Bệnh viện Vinmec Times City |
| | Tổng | 273 | | | | |

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*
**Hiệu trưởng**
Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

**Ghi chú:**

- ***(1) Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng** theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"*
- ***(2) Giảng viên thỉnh giảng chuyên ngành** là cán bộ cơ hữu của cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ*

Mẫu 09: BCTS-CSTH

**BÁO CÁO SỐ CƠ SỞ THỰC HÀNH**
**THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**
**(Ngày 31/03/ năm tuyển sinh)**

*(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)*

| TT | Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo | Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP | | | | Tên cơ sở thực hành khác | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên cơ sở thực hành | Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định *(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)* | Đường link đề tài Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1) | Số lượng giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định | Tên cơ sở thực hành khác | Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định *(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)* | Đường link đề tài Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định |
| V | ***Bác sỹ Nội trú*** | | | | | | | |
| 1 | Nội khoa | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện TWQĐ 108 | Đã công bố | https://benhvien108.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe.htm | | | | |
| | | Bệnh viện Bạch Mai | Đã công bố | https://kcb.vn/hanh-nghe/danh-sach-co-so-kbcb-du-dieu-kien-huong-dan-thuc-hanh/benh-vien-bach-mai-dang-tai-ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-huong-dan-thuc-hanh-dot-1-.html | | | | |
| 2 | Ngoại khoa | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện TWQĐ 108 | Đã công bố | https://benhvien108.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe.htm | | | | |
| | | Bệnh viện Nhi Trung ương | Đã công bố | http://asttmoh.vn/wp-content/uploads/2018/04/Ban-cong-bo_BV-Nhi-TW.pdf | | | | |
| 3 | Nhi khoa | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện Nhi Trung ương | Đã công bố | http://asttmoh.vn/wp-content/uploads/2018/04/Ban-cong-bo_BV-Nhi-TW.pdf | | | | |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện TWQĐ 108 | Đã công bố | https://benhvien108.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe.htm | | | | |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| 6 | Gây mê hồi sức | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện TWQĐ 108 | Đã công bố | https://benhvien108.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe.htm | | | | |
| | Tổng | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VI | *Đại học chính quy* | | | | | | | |
| 1 | Bác sĩ Y khoa | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | | | | |
| | | Bệnh viện TWQĐ 108 | Đã công bố | https://benhvien108.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe.htm | | | | |
| | | Bệnh viện Nhi Trung ương | Đã công bố | http://asttmoh.vn/wp-content/uploads/2018/04/Ban-cong-bo_BV-Nhi-TW.pdf | | | | |
| | | Bệnh viện Bạch Mai | Đã công bố | https://kcb.vn/hanh-nghe/danh-sach-co-so-kbcb-du-dieu-kien-huong-dan-thuc-hanh/benh-vien-bach-mai-dang-tai-ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-huong-dan-thuc-hanh-dot-1-.html | | | | |
| | | Bệnh viện Tâm thần Hà Nội | Đã công bố | https://soyte.hanoi.gov.vn/documents/3672249/8285631/20241109154902.pdf24_merged.pdf | | | | |
| | | Bệnh viện Lão khoa Trung ương | Đã công bố | https://benhvienlaokhoa.vn/ban-cong-bo-co-so-kham-benh-ch-a-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe-1 | | | | |
| | | Bệnh viện Da liễu Trung ương | Đã công bố | https://kcb.vn/hanh-nghe/danh-sach-co-so-kbcb-du-dieu-kien-huong-dan-thuc-hanh/benh-vien-da-lieu-trung-uong-dang-tai-ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-huong-dan-thuc-hanh.html | | | | |
| 2 | Cử nhân Điều dưỡng | Bệnh viện Vinmec Times City | Đã công bố | https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/hoat-dong-dao-tao/vinmec-times-city-duoc-cong-nhan-la-la-co-so-thuc-hanh-dao-tao-bac-si-dieu-duong-va-bac-si-noi-tru/ | 3 | | | |
| | | Bệnh viện Bạch Mai | Đã công bố | https://kcb.vn/hanh-nghe/danh-sach-co-so-kbcb-du-dieu-kien-huong-dan-thuc-hanh/benh-vien-bach-mai-dang-tai-ban-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-huong-dan-thuc-hanh-dot-1-.html | 0 | | | |
| | | Bệnh viện Tâm thần Hà Nội | Đã công bố | https://soyte.hanoi.gov.vn/documents/3672249/8285631/20241109154902.pdf24_merged.pdf | 0 | | | |
| | | Bệnh viện Lão khoa Trung ương | Đã công bố | https://kcb.vn/upload/2005611/20241216/Cong_bo_CSTH_-_Benh_vien_Lao_khoa_Trung_uong_d0f06.pdf | 0 | | | |
| | Tổng | | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**Hiệu trưởng**

Ký tên và đóng dấu

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn

*Ghi chú: (1): Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định trên website của cơ quan có thẩm quyền (Bộ Y tế/Sở Y tế)*

Mẫu 10: Bảng TH Xác định chỉ tiêu

**BẢNG TỔNG HỢP TỰ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2025**
**(Ngày 31/03/năm tuyển sinh)**

**Tên trường:** Trường Đại học VinUni

| TT | Trình độ, tên từng chuyên ngành | Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh | Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2025 (năm tuyển sinh) | Số học viên còn lại năm tuyển sinh | Số lượng GV cơ hữu chuyên ngành | Số lượng GV thỉnh giảng chuyên ngành | Tổng số giảng viên chuyên ngành | Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên chuyên ngành | Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2025 (năm tuyển sinh) của Cơ sở đào tạo | Chỉ tiêu năm 2025 (năm tuyển sinh) do trường tự xác định |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | (1) | (2) | (3) = (1-2) | (4) | (5) | (6) = (4+ 5) | (7) | (8) = (7-3) | (9) ≤ (8) |
| **II** | ***BÁC SĨ NỘI TRÚ*** | | | | | | | **(7) = 6*3** | | |
| 1 | Nội khoa | 40 | 10 | 30 | 7 | 7 | 14 | 42 | 12 | **10** |
| 2 | Ngoại khoa | 20 | 0 | 20 | 5 | 47 | 52 | 156 | 136 | **6** |
| 3 | Nhi khoa | 31 | 6 | 25 | 5 | 64 | 69 | 207 | 182 | **8** |
| 4 | Chấn thương chỉnh hình | 16 | 0 | 16 | 6 | 23 | 29 | 87 | 71 | **8** |
| 5 | Chẩn đoán hình ảnh | 7 | 0 | 7 | 7 | 28 | 35 | 105 | 98 | **8** |
| 6 | Gây mê hồi sức | | | | 11 | 15 | 26 | 78 | | **8** |
| | Tổng | 114 | 16 | 97 | 41 | 184 | 225 | 675 | 500 | 48 |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025*
**Hiệu trưởng**
Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

David Bangsberg

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Diệu Thu
Chữ ký:
Điện thoại: 0978549846
Email: graduate.admission@vinuni.edu.vn